

Số: 25 /2022/HNGĐ-ST.
Ngày 22-6-2022

*V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Tùng

2. Ông Đỗ Ngọc Ngà

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang là Thư ký TAND huyện
Hạ Hoà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3
năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 28a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Thông báo mở lại
phiên tòa số 39/TB-PT ngày 9/6/2022 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Anh Trần Ngọc D, sinh năm 1988 (Có mặt)

2- **Bị đơn:** Chị Trương Thị N, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 8 xã Đ, huyện H, tỉnh Phú thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, anh Trần Ngọc D
trình bày: Anh kết hôn với chị Trương Thị N vào ngày 16/5/2012, đăng ký kết
hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú thọ (nay là xã Đ) hoàn toàn tự nguyện.
Sau kết hôn vợ chồng ở tại địa phương và cùng lao động tự do. Vợ chồng chung
sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn,
nguyên nhân do chị N muốn đi làm xa nhưng anh không đồng ý. Chị N cũng đã
bỏ nhà đi được khoảng 20 ngày sau đó quay trở về xin lỗi và cam kết không để
xảy ra việc đó nữa. Tuy nhiên chị N vẫn không thay đổi ngày càng mãi chơi,
không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình và chồng con. Khoảng

tháng 10, 11 năm 2021 do vợ chồng có mâu thuẫn nên chị N đã đi khỏi nhà từ đó cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không liên lạc gì với nhau. Anh cho biết chị N, mẹ anh và các con vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng chị N không cho biết địa chỉ. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu TAND huyện Hạ Hoà giải quyết ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung: Cháu Trần Ngọc Tú Quỳnh, sinh ngày 28/11/2012 và cháu Trần Anh Vũ, sinh ngày 25/02/2017, hiện cả hai cháu đang ở với anh. Ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng chị N không có mặt làm việc. Bà Tạ Thị T là mẹ đẻ của anh Trần Ngọc D cho biết: Chị N, anh D kết hôn năm 2012. Sau kết hôn vợ chồng cùng lao động tự do ở địa phương. Bà và gia đình đã hỗ trợ về kinh tế để cho anh chị làm ăn, tuy nhiên chỉ được thời gian đầu, sau đó đến khoảng năm 2019 trở lại đây, chị N không muốn làm gì, thường xuyên điện thoại, nhắn tin, lên mạng xem không quan tâm gì đến gia đình và chồng con. Hai vợ chồng mâu thuẫn, chị N đã bỏ nhà đi khoảng 20 ngày lại quay trở về. Chị N vẫn không thay đổi. Cho đến khoảng tháng 11 năm 2021 do vợ chồng mâu thuẫn nên chị N đã đi khỏi nhà. Tôi đã khuyên bảo nhưng chị N không nghe. Chị N, tôi và các cháu vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại, chị vẫn gửi quà về cho mẹ và các cháu nhưng chị không cho biết địa chỉ cụ thể. Tôi đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay chị N và cũng đã thông báo cho chị N được biết. Quan điểm của chị N cũng nhất trí ly hôn và đồng ý sau ly hôn 2 con chung sẽ do anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho anh Trần Ngọc D được ly hôn chị Trương Thị N.

Giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Ngọc Tú Q, sinh ngày 28/11/2012 và cháu Trần Anh V, sinh ngày 25/02/2017, kể từ tháng 07/2022 cho

đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu. Anh D, chị N đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

Về án phí LHST: Anh D phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: TAND huyện Hạ Hòa đã thụ lý vụ án và tiến hành triệu tập đương sự đến làm việc, tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh D có mặt, chị N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ thông qua mẹ đẻ anh D. Chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh D, chị N kết hôn ngày 16/5/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ cũ (nay là xã Đ), huyện H, tỉnh Phú Thọ đây là một hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn vợ chồng ở tại địa phương và cùng lao động tự do. Theo anh D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và chồng con nên thường xuyên vợ chồng cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 11/2021 chị N đã đi khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D xin được ly hôn chị N để ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án chị N đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, đại diện UBND xã Đ cho biết do vợ chồng anh D, chị N mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N mãi chơi, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Chị N hiện không có mặt ở địa phương. Đề nghị Tòa án căn cứ thực tế tình trạng của vợ chồng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ và trẻ em. Đại diện gia đình, bà Tạ Thị T là mẹ đẻ anh D xác định vợ chồng anh D có nhiều mâu thuẫn. Gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh D xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà T cho biết: Bà đã thông báo cho chị N được biết Tòa án tổ chức các phiên họp và hòa giải, chị N đều được biết nhưng không có mặt. Thông qua đại diện gia đình, chị N cũng nhất trí

ly hôn với anh D. TAND huyện Hạ Hòa đã ủy thác cho TAND huyện Q, tỉnh Nghệ An làm việc với đại diện gia đình chị N. Mẹ đẻ chị N cho biết: Hiện chị N không ở với bà, mẹ con có liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng chị N cũng không cho biết hiện đang ở đâu. Chị N cũng được biết anh D đang giải quyết ly hôn tại TAND huyện Hạ Hòa. Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị N là trầm trọng, thực tế cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, không thể kéo dài đời sống chung như hiện nay khi mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D và cần xử cho anh được ly hôn chị N là phù hợp.

[3]. Về con chung: Xác định anh D, chị N có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Tú Q, sinh ngày 28/11/2012 và cháu Trần Anh V, sinh ngày 25/02/2017. Ly hôn, anh D xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Cháu Q có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Xét thấy, hiện chị N vắng mặt tại phiên tòa, các cháu cũng đang ở ổn định với anh D và bà nội. Do vậy cần giao anh D tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu kể từ tháng 07/2022 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu. Các bên đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

[5] Về án phí LHST: Anh D phải chịu 300.000đ (Xác nhận đã nộp)

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 56, điều 57, 58, 81, 82, 83 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 - BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Ngọc D được ly hôn chị Trương Thị N.

2- Về con chung: Xử giao anh Trần Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Ngọc Tú Q, sinh ngày 28/11/2012 và cháu Trần Anh V, sinh ngày 25/02/2017 kể từ tháng 07/2022 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu.

Anh D, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh D và

các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc chị N thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.\

3- Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

4- Về án phí: Anh Trần Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004863 ngày 15/3/2022 tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa (Xác nhận đã nộp).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh D có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị N có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Đ;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc

